

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2019/DS-PT

Ngày: 28-10-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 292/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị H (tự M), sinh năm 1963; cư trú tại: Số nhà 83, tổ T, khu phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H: Anh Nguyễn Văn N2, sinh năm 1983; cư trú tại: Số nhà 36/6 khu phố M, phường H, Quận M, Thành phố H (văn bản ủy quyền ngày 05/8/2019); có mặt.

- Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị N), sinh năm 1972; vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Tổ T, khu phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B: Chị Lê Thị Kiều D, sinh năm 1981; cư trú tại: Số 1226 ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (giấy ủy quyền ngày 02/10/2019); có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L: Bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị N), sinh năm 1972; cư trú tại: Khu phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 11/6/2019); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị N) là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 24/3/2019; đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/4/2019 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn- bà Ngô Thị H trình bày:

Trước ngày 24/6/2017 bà B (tự N) có vay tiền của bà nhiều lần, thời gian và số tiền vay cụ thể bà không nhớ. Ngày 24/6/2017 bà B vay thêm số tiền 200.000.000 đồng, lúc này giữa bà và bà B cộng số tiền mà bà B vay của bà trước đó, tổng cộng tiền nợ cũ 398.000.000 đồng. Cùng ngày 24/6/2017 bà B viết lại giấy nợ mới cho bà gồm 02 khoản tiền: Tiền vay trước là 398.000.000 đồng + 200.000.000 đồng (tiền bà B vay thêm) = 598.000.000 đồng. Khi vay, giữa bà và bà B thỏa thuận lãi suất 5%/1 tháng, bà B hẹn sau 01 năm kể từ ngày vay sẽ trả hết nợ cho bà; khi vay tiền chỉ mình bà B giao dịch vay tiền của bà, nhưng bà có đến nhà bà B đòi tiền nhiều lần, ông L chồng bà B cũng hẹn trả nợ cho bà. Từ khi vay, bà N chưa trả tiền lãi cũng như tiền gốc cho bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà B và ông L trả cho bà tiền nợ gốc 598.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật từ ngày 24/6/2017 đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà không vay tiền như bà H trình bày. Vào năm 2013 bà có góp hụi do bà H làm chủ hụi, hụi 10.000.000 đồng 10 ngày khui một kỳ, khui vào các ngày 10, 20, 30 hàng tháng, dây hụi gồm có 20 phần, bà góp 04 phần và đã lĩnh hụi (hót hụi) hết cả 04 phần, nhưng lĩnh kỳ thứ mấy bà không nhớ. Từ khi lĩnh hụi bà có đóng hụi chết cho bà H, nhưng đóng bao nhiêu kỳ và đóng bao nhiêu tiền bà không nhớ. Bà chỉ nhớ hiện nay còn nợ lại bà H 298.000.000 đồng tiền hụi chết. Dây hụi này đã mãn, nhưng mãn vào thời gian nào bà không nhớ. Từ khi ngưng đóng hụi chết thì bà H tính tiền lãi trên số tiền bà nợ 298.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng 15.000.000 đồng tính từ ngày mãn hụi cho đến ngày 24/6/2017, tổng cộng tiền lãi hơn 280.000.000 đồng (bà không nhớ chính xác số tiền lãi), sau đó bà đã trả tiền lãi cho bà H hơn 80.000.000 đồng. Khi trả tiền lãi, bà H có viết giấy nhận tiền nhưng bà đã làm thất lạc giấy trả tiền nên nay bà không có chứng cứ gì để chứng minh. Còn lại số tiền lãi 200.000.000 đồng bà viết giấy nợ cho bà H. Bà thừa nhận giấy nợ đề ngày 24/6/2017 do bà viết nội dung “ Tôi tên Nguyễn Thị N có mượn chị Mỹ Long

= 24/6/2017

= 298.000

+ 200.000”.

Còn lại phía dưới ghi “598.000T Viết bằng chữ Năm chín tám triệu” không phải là chữ viết của bà; bà viết tắt thiếu ba số 000, số tiền bà ghi là 298.000.000 đồng, không phải 398.000.000 đồng, do bà H chỉnh sửa thành 398.000.000 đồng. Bà thừa nhận hiện nay còn nợ lại bà H tiền hui chết là 298.000.000 đồng và 200.000.000 đồng là tiền lãi, tổng cộng là 498.000.000 đồng. Sau khi mãn hui, bà còn nợ tiền hui chết của bà H nên bà đồng ý viết giấy nợ đây là tiền bà vay của bà H. Việc góp hui chỉ mình bà giao dịch với bà H; tiền bà lĩnh hui chi vào việc mua hàng hóa đi Campuchia bán kiếm tiền lời về xoay sở, chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình.

Nay bà đồng ý trả cho bà H số tiền nợ gốc là 298.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi, không đồng ý buộc chồng bà (ông L) liên đới cùng bà trả nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2019 bị đơn- ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà B vợ ông tại biên bản ghi lời khai ngày 04/4/2019, ông L đồng ý chịu trách nhiệm cùng bà B trả cho bà H số tiền nợ gốc 598.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi.

- *Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà B và ông L trả số tiền nợ gốc 598.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật từ ngày 24/6/2017 đến khi giải quyết xong vụ án.

- *Ý kiến của bà B đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L:* Ông L không biết việc góp hui hay nợ tiền giữa bà B với bà H; ông L cũng không trình bày là bà B còn nợ bà H số tiền 598.000.000 đồng và đồng ý chịu trách nhiệm cùng bà B trả nợ cho bà H.

- *Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị B:* Chứng cứ bà H giao nộp cho Tòa án, bà B chỉ thừa nhận có nợ bà H 298.000.000 đồng. Theo giấy nợ của bà H cung cấp thì không ghi rõ số nợ là bao nhiêu. Bà B không thừa nhận chữ viết ghi số tiền 598.000.000 đồng và viết bằng chữ năm chín tám triệu là chữ viết của bà B. Bà H là người khởi kiện do đó bà H phải có nghĩa vụ chứng minh, nhưng bà H lại không yêu cầu giám định chữ viết. Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2019 thì không chốt biên bản. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Bản án số: 15/2019/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H (tự M). Buộc bà Nguyễn Thị B (tự Nguyễn Thị N) và ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Ngô Thị H (tự M) số tiền nợ gốc 598.000.000 đồng và tiền lãi

127.393.000 đồng, tổng cộng 725.393.000 (bảy trăm hai mươi lăm triệu ba trăm chín mươi ba nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, bị đơn – bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh N2 trình bày: Bà H khởi kiện yêu cầu bà N và ông L trả tiền gốc 598.000.000 đồng, về tiền lãi có thay đổi, bà H đồng ý giảm mức lãi suất so với bản án sơ thẩm tuyên, yêu cầu tính mức lãi 0,75%/ tháng từ ngày vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, chị D trình bày: Bà B kháng cáo không đồng ý trả cho bà H số tiền 598.000.000 đồng và tiền lãi, chỉ đồng ý trả 298.000.000 đồng. Nguyên đơn có thiện chí thỏa thuận để hòa giải thành thì bà N đồng ý trả tiền gốc 598.000.000 đồng, không trả tiền lãi; nếu phía nguyên đơn không đồng ý thì bà N chỉ đồng ý trả gốc 298.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi; đây là giao dịch giữa bà B và bà H, không có liên quan đến ông L, bà B không đồng ý buộc chồng bà là ông L cùng chịu trách nhiệm trả nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà B (tự N); sửa án sơ thẩm số 15/2019/DS-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo hướng tính lại tiền lãi suất bà B phải trả cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị H; bà Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa; ông Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B không đồng ý trả cho bà H số tiền gốc 598.000.000 đồng, thấy rằng:

Bà B thừa nhận giấy nợ ngày 24/6/2017 tại bút lục số 34 là do bà viết, nhưng cho rằng bà chỉ ghi số tiền 298.000.000 đồng, không phải 398.000.000 đồng, bà H sửa thành 398.000.000 đồng, 200.000.000 là tiền lãi. Tuy nhiên, qua

xem xét giấy nợ thể hiện A có mượn của bà H số tiền 02 khoản là 598.000.000 đồng, trong giấy nợ này không ghi tiền lãi, không ghi tiền hui, không có sửa số tiền như bà B trình bày. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc trả tiền gốc 598.000.000 đồng là có căn cứ.

Bà B kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B trình bày bà B chỉ đồng ý trả 298.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà B không đồng ý trả tiền lãi suất cho bà H, thấy rằng: Bà H cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/ tháng; bà B cho rằng giấy nợ ngày 24/6/2017 do bà viết, bà ghi 200.000.000 đồng là tiền lãi, nên không đồng ý tiếp tục trả tiền lãi, hai bên có tranh chấp về lãi suất. Qua xem xét giấy nợ này không ghi tiền lãi, việc bà B trình bày đây là tiền lãi là không có cơ sở Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất 0,83 %/ tháng, cụ thể: $598.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 25 \text{ tháng} = 127.393.000 \text{ đồng}$ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa anh N2 đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày: Bà H thay đổi về tiền lãi, tự nguyện giảm mức lãi suất so với bản án sơ thẩm tuyên, yêu cầu bà B và ông L trả tiền lãi mức lãi suất 0,75%/ tháng tính từ ngày 24/6/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Xét thấy, mức lãi suất mà người đại diện của bà H yêu cầu 0,75%/ tháng, tính từ ngày 24/6/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, tiền lãi được tính lại như sau: $598.000.000 \text{ đồng} \times 0,75 \%/tháng \times 25 \text{ tháng} = 115.115.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi là 713.115.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà B không đồng ý buộc chồng bà là ông L chịu trách nhiệm cùng bà trả nợ cho bà H, thấy rằng: Mặc dù việc vay tiền của bà H chỉ do mình bà B giao dịch, nhưng số tiền bà B nợ bà H phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà B với ông L, bà B và ông L vẫn đang chung sống vợ chồng không sống ly thân. Mặt khác, bà B cho rằng số tiền nợ bà H bà dùng vào việc mua hàng hóa đi Campuchia bán kiếm tiền lời để xoay sở, chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình. Đồng thời ông L cũng thừa nhận việc bà B có nợ tiền của bà H và ông L đồng ý chịu trách nhiệm cùng bà B trả cho bà H số tiền nợ gốc 598.000.000 đồng (BL số 32). Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình buộc ông L có trách nhiệm liên đới cùng bà B trả cho bà H số tiền nợ gốc 598.000.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ, nên yêu cầu này của bà H là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[6] Từ những phân tích trên xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà B (Nga); sửa án sơ thẩm về tiền lãi, xác định lại tiền lãi bà B và ông L phải trả cho bà H là 115.115.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm có liên quan đến kháng cáo của bà B nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 bà B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể bà B và ông L phải chịu án phí là 32.524.600 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị N).

2. Sửa bản án sơ thẩm số: 15/2019/DS-ST ngày 14-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H (tự M). Buộc bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị N) và ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Ngô Thị H (tự M) số tiền nợ gốc 598.000.000 đồng và tiền lãi 115.115.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 713.115.000 (bảy trăm mười ba triệu một trăm mười lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà Ngô Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn L không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng bà B và ông L còn phải trả cho bà H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị N) và ông Nguyễn Văn L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 32.524.600 (ba mươi hai triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm) đồng.

- Bà Ngô Thị H (tự M) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà Ngô Thị H 13.910.000 (mười ba triệu chín trăm mười nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số: 0006097 ngày 06/3/2019.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị N) không phải chịu án phí, Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà B (Nga) 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: 0006638 ngày 27-8-2019.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện T, tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS huyện T, tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Tuyên